

Số: 77 /BVUB-KD

V/v Mời báo giá thuốc

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh dược
trên toàn quốc (Quý doanh nghiệp).

Căn cứ Thông báo số 01-TB/ĐU ngày 25/6/2025 của Đảng ủy Bệnh viện
Ung bướu tỉnh Bắc Giang (*tỉnh Bắc Ninh mới*).

Căn cứ Biên bản họp ngày 25/7/2025 của Hội đồng thuốc và điều trị Bệnh
viện Ung bướu Bắc Ninh;

Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc để cung
ứng cho Nhà thuốc Bệnh viện. Bệnh viện kính mời các đơn vị quan tâm, có khả
năng cung cấp thuốc theo danh mục tại Phụ lục 01 gửi Báo giá theo Mẫu phụ lục
02 kèm theo về Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh để tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm.

Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Để cập nhật tình hình giá trên thị trường, khả năng cung ứng thuốc, đồng
thời là cơ sở để xây dựng giá gói thầu nêu trên. Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh
trân trọng thông tin và đề nghị các Quý doanh nghiệp xem xét, đối chiếu phạm vi
kinh doanh, quy mô kinh doanh, cung cấp thông tin về giá thuốc theo các nội
dung sau:

1. Báo giá đề nghị cung cấp

- Báo giá chỉ được xem xét khi điền chính xác các nội dung theo biểu mẫu
và hướng dẫn gửi kèm.

- Bản cứng báo giá phải được người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
ký xác nhận, đóng dấu (*01 bản có dấu đỏ, nếu báo giá có nhiều trang phải đóng
dấu giáp lai*).

- Các tài liệu liên quan (*nếu có*): Bản scan các quyết định trúng thầu, thông
tin pháp lý của nhà thầu, danh mục các địa chỉ tra cứu thông tin,...

2. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 29
tháng 7 năm 2025

3. Thời gian, địa điểm nhận báo giá

- Thời gian: **Từ ngày 29/7/2025 đến 16h30 ngày 07/8/2025.**

- Địa điểm: Khoa Dược - Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh (Địa chỉ: Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh).

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: Ds. Nguyễn Thị Yến (Số điện thoại: 0374687717).

Vậy, bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh trân trọng thông báo đến các Quý doanh nghiệp được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lãnh đạo BV
- Website BV
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn>
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Danh Song

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THUỐC GENERIC MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số /BVUB-KD ngày /7/2025 của Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh)

STT	STT (TT20)	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐV tính	Đơn giá
1	56	Paracetamol	1	500mg	Uống	Viên	Viên	
2	64	Paracetamol + tramadol	2	325mg + 37,5mg	Uống	Viên nang	Viên	
3	106	Fexofenadin	4	60mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	ống	
4	108	Levocetirizine dihydrochloride	5	5mg/ml, 10ml	Uống	Dung dịch	Lọ	
5	140	Meglumin natri succinat	5	6g/400ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai	
6	168	Amoxicilin	1	500mg	Uống	Viên	Viên	
7	169	Amoxicilin + acid clavulanic	2	600mg + 42,9mg	Uống	Viên	Viên	
8	181	Cefdinir	2	300mg	Uống	Viên nang	Viên	
9	183	Cefixime	1	200mg	Uống	Viên nang	Viên	
10	191	Cefpodoxim	4	200mg	Uống	Viên	Viên	
11	234	Levofloxacin	2	500mg	Uống	Viên	Viên	
12	313	Nystatin + metronidazol + neomycin	1	100.000UI + 500mg + 65.000UI	Đặt âm đạo	Thuốc đặt âm đạo	Viên	
13	436	Levodopa + Benserazide	1	200mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	
14	463	Albumin	1	20%/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ	
15	485	Filgrastim	1	30 MU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	

STT	STT (TT20)	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐV tính	Đơn giá
16	664	Povidon iodin	4	10%/125ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	lọ	
17	664	Povidon iodin	4	10%/20ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	lọ	
18	666	Natri clorid	4	0,9%/500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	
19	679	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	4	800mg + 400mg + 80mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	gói	
20	683	Esomeprazole	2	40mg	Uống	Viên	Viên	
21	709	Lactulose	1	10g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	
22	736	L-Ornithin - L-Aspartat	4	1g/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	
23	740	Silymarin	4	400mg	Uống	Viên	Viên	
24	804	Levothyroxine natri	2	100mcg	Uống	Viên	viên	
25	804	Levothyroxine natri	2	50mcg	Uống	Viên	viên	
26	806	Thiamazol	1	5mg	uống	Viên	Viên	
27	806	Thiamazol	1	10mg	uống	Viên	Viên	
28	854	Natri clorid	4	0,9%/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	
29	942	Citicolin	2	1000mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	ống	
30	990	Acid amin + glucose + lipid (*)	2	(11,3% 80ml + 11% 236ml+ 20% 68ml)/384 ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Túi	
31	990	Acid amin + glucose +	2	(8% 150ml + 16%	Tiêm/tiêm	Thuốc tiêm	Túi	

STT	STT (TT20)	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ/ hàm lượng ml	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐV tính	Đơn giá
		lipid (*)		150ml+ 20% 75ml)/375 ml	truyền	truyền		
32	990	Acid amin + glucose + lipid (*)	2	(11,3%+ 11% + 20%)/480ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Túi	
33	993	Kali clorid	4	1g/10ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Ống	
34	995	Magnesi aspartat + kali aspartat	1	(400mg+ 452mg)/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	
35	1015	Calcitriol	4	0,5mcg	Uống	Viên	Viên	
36		Cefprozil	4	500 mg	Uống	Viên	Viên	
37		Cefprozil	2	500 mg	Uống	Viên	Viên	
38		Metronidazol + Clotrimazol + Neomycin	4	500mg + 100mg + 56000IU	Đặt âm đạo	Thuốc đặt âm đạo	Viên	
39		Thymomodulin	4	60mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	
40		Clarithromycin + Tinidazol + Esomeprazol	4	500mg + 500mg + 20mg	Uống	Viên	Kít	
41		Calci glucoheptonat + Calci gluconat	4	700mg + 300mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	
42		Dapagliflozin + Metformin	1	10mg + 1000mg	Uống	Viên	Viên	
43		Dexlansoprazol	5	60 mg	Uống	Viên nang	Viên	

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số /BVUB-KD ngày /7/2025 của Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh)

Tên doanh nghiệp:.....
Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược:.... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ ĐKKD..... Số điện thoại:Email:.....
Người liên hệ:....., Số điện thoại:.....Email:.....

BẢNG BÁO GIÁ THUỐC GENERIC

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh

Đơn vị tính: VNĐ

S	T	T	STT (theo TT 20/ 2022)	Tên hoạt chất	Tên thuố c	Nồng độ/ hàm lượng	Đườn g dùng	Dạng bảo chế	Nhóm TCK T	Đơn vị tính	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Quy cách	SDK/ VISA hoặc GPN K	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (đã có VAT)	Công bố giá KK/ KKL của Cục Quản lý Được					Giá trúng thầu từ tháng 7/2024 đến nay				
																	Giá KK/ KK L	Ngày kê khai	Giá trúng thầu 1	Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/ BV	Giá trún g thầu 2	Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/ BV	Giá trún g thầu 3	Các nơi trúng thầu giá thứ 3 (SYT/B V		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
1	..	...																								

....., ngày..... tháng năm 2025
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú:

- Cột 18-20-22: Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất.
- Cột 19-21-23: Ghi không quá 03 tên SYT/BV. Font chữ: Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (.) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để tối đa hai chữ số hàng thập phân.